TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số…… /QĐ-ĐHM ngày ……/…./2022 của Trường ĐH Mở Hà Nội)

- Căn cứ thông báo số 12/TB-CTSV về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022-2023

- Căn cứ Quỹ học bổng khuyến khích học tập

- Căn cứ kết quả học tập học kỳ III năm học 2021-2022 & Học kỳ I năm 2022-2023 (đối với SV xét KQHT)

I. Điều kiện để sinh viên được xét nhận học bổng khuyến khích học tập như sau:

1. Sinh viên có kết quả rèn luyện từ loại khá trở lên (≥70)
2. Sinh viên không vi phạm quy chế thi
3. Sinh viên có kết quả học tập từ khá trở lên (không tính điểm học lại, cải thiện điểm), cụ thể với từng học kỳ và từng lớp như sau:

II. Điểm trung bình học kỳ phải đạt theo điều kiện sau:

1. Khóa 28 Kế toán	**>=3.94**
2. Khóa 28 Quản trị kinh doanh	**>=3.67**
3. Khóa 28 TMĐT	**>=3.86 Điểm RL>=85**
4. Khóa 29 Kế toán	**>=3.44**
5. Khóa 29 Quản trị kinh doanh	**>=3.67**
6. Khóa 29 TMĐT	**>=3.58**
7. Khóa 30 Kế toán	**>=3.38**
8. Khóa 30 Quản trị kinh doanh	**>=3.46**
9. Khóa 30 TMĐT	**>=3.60**
10. Khóa 31 Kế toán	**>=3.47**
11. Khóa 31 Quản trị kinh doanh	**>=3.20 Điểm RL>=80**
12. Khóa 31 TMĐT	**>=3.87 Điểm RL>=90**

Sinh viên có tên điền thông tin vào Form sau:

https://forms.gle/1doonb2TDMFpc6eC8

Sinh viên có các ý kiến phản hồi hết 12h ngày 31/3/2023

Liên hệ: cô Nguyễn Thị Kim Dung, thầy Phạm Văn Tuấn trong giờ hành chính

Sinh viên có tên trong danh sách cung cấp số tài khoản ngân hàng và chi nhánh. (Sử dụng đúng tài khoản ngân hàng VIETCOMBANK do trường cấp)

Sinh viên điền Form thông tin trước 16h00 ngày 30/3/2023.

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
1	1	K28KT1	19A41010106	Đặng Thu	Thùy	'05/04/2001	Nữ	24	4.00	78	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
2	2	K28KT1	19A41010017	Nguyễn Thu	Trang	'13/10/2001	Nữ	28	4.00	87	**10,584,000**	***Giỏi***	**11,642,400**
3	3	K28KT1	19A41010113	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	'29/01/2001	Nữ	24	3.94	74	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
4	1	K28KT2	19A41010042	Trần Thị	Giang	'21/12/2000	Nữ	24	4.00	78	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
5	2	K28KT2	19A41010191	Phạm Thị Thu	Hiền	'23/04/2001	Nữ	24	4.00	76	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
6	3	K28KT2	19A41010023	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	'07/12/2001	Nữ	27	4.00	76	**10,206,000**	***Khá***	**10,206,000**
7	4	K28KT2	19A41010185	Đào Thu	Phương	'18/12/2001	Nữ	24	4.00	85	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
8	5	K28KT2	19A41010120	Ngô Thị	Quỳnh	'27/12/2001	Nữ	24	4.00	76	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
9	6	K28KT2	19A41010196	Nguyễn Thị	Thêu	'06/02/2001	Nữ	24	4.00	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
10	7	K28KT2	19A42010160	Nguyễn Thu	Hiền	'07/03/2001	Nữ	24	3.94	78	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
11	8	K28KT2	19A41010114	Trần Thị	Huê	'05/09/2001	Nữ	24	3.94	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
12	9	K28KT2	19A41010084	Nguyễn Thị Thu	Huyền	'29/10/2001	Nữ	24	3.94	76	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
13	10	K28KT2	19A41010169	Nguyễn Hồng	Ly	'27/11/2001	Nữ	24	3.94	78	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
14	11	K28KT2	19A41010116	Hà Thị	Nga	'10/04/2001	Nữ	24	3.94	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
15	12	K28KT2	19A41010112	Nguyễn Thị	Vân	'13/04/2001	Nữ	24	3.94	87	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
16	1	K28QT1	19A42010308	Phương Huyền	Anh	'29/03/2001	Nữ	21	3.88	80	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
17	2	K28QT1	19A42010255	Nguyễn Bảo	Nhi	'31/12/2001	Nữ	24	3.88	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
18	3	K28QT1	19A42010347	Phạm Ngọc	Ánh	'13/10/2001	Nữ	18	3.86	80	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
19	4	K28QT1	19A42010335	Lê Thị	Hà	'27/09/2001	Nữ	24	3.83	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
20	5	K28QT1	19A42010121	Phạm Chung	Hậu	'01/08/2001	Nữ	18	3.83	80	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
21	6	K28QT1	19A42010215	Tạ Thị Thu	Phương	'23/08/2001	Nữ	24	3.77	83	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
22	7	K28QT1	19A42010042	Bùi Thị Ngọc	Ánh	'22/10/2001	Nữ	21	3.76	80	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
23	1	K28QT2	19A42010040	Bùi Thu	Thúy	'03/03/2001	Nữ	29	4.00	87	**10,962,000**	***Giỏi***	**12,058,200**
24	2	K28QT2	19A42010157	Lê Thị Quỳnh	Chi	'21/05/2001	Nữ	18	3.86	77	**6,804,000**	***Khá***	**6,804,000**
25	3	K28QT2	19A42010089	Nguyễn Thị Phượng	Hồng	'14/12/2001	Nữ	21	3.74	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
26	4	K28QT2	19A42010323	Trần Thị Vân	Anh	'01/11/2001	Nữ	15	3.67	77	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
27	1	K28QT3	19A42010033	Lê Thị Thu	Hoài	'11/11/2001	Nữ	24	4.00	94	**9,072,000**	***Xuất sắc***	**11,793,600**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
28	2	K28QT3	19A42010094	Lê Thị	Mai	'01/03/2001	Nữ	24	3.88	86	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
29	3	K28QT3	19A42010152	Nguyễn Thị	Nhung	'10/04/2001	Nữ	24	3.77	83	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
30	4	K28QT3	19A42010078	Chu Thị	Hương	'10/11/2001	Nữ	24	3.73	87	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
31	5	K28QT3	19A42010170	Phạm Thanh	Hoa	'01/12/2001	Nữ	21	3.67	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
32	1	K28QT4	19A42010185	Nguyễn Thị	Thúy	'14/08/2001	Nữ	15	4.00	77	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
33	2	K28QT4	19A42010328	Trần Đình Anh	Dũng	'23/05/2001	Nam	18	3.86	82	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
34	3	K28QT4	19A42010004	Nguyễn Bá	Anh	'03/07/2001	Nam	18	3.83	82	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
35	4	K28QT4	19A42010208	Phạm Thị Thanh	Thu	'05/09/2001	Nữ	21	3.79	78	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
36	5	K28QT4	19A42010141	Nguyễn Thị	Hoa	'03/06/2001	Nữ	21	3.74	87	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
37	6	K28QT4	19A42010068	Nguyễn Ngọc	Ánh	'06/01/2001	Nữ	18	3.72	76	**6,804,000**	***Khá***	**6,804,000**
38	7	K28QT4	19A42010232	Nguyễn Việt	Anh	'27/06/2001	Nam	24	3.71	81	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
39	8	K28QT4	19A42010276	Nguyễn Quang	Lâm	'03/01/2001	Nam	21	3.71	77	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
40	9	K28QT4	19A42010211	Phan Văn	Tiến	'03/09/2001	Nam	21	3.71	88	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
41	10	K28QT4	19A42010075	Vũ Thị Hoà	An	'12/08/2001	Nữ	21	3.67	70	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
42	1	K1 TMDT	19A47010042	Phạm Văn	Dân	'13/03/2001	Nam	21	4.00	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
43	2	K1 TMDT	19A47010071	Hoàng Thị	Loan	'24/08/2001	Nữ	21	4.00	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
44	3	K1 TMDT	19A47010058	Vũ Thị Thanh	Huyền	'11/08/2001	Nữ	21	3.93	80	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
45	4	K1 TMDT	19A47010074	Đoàn Thị	Thim	'07/08/2001	Nữ	21	3.93	76	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
46	5	K1 TMDT	19A47010053	Nguyễn Minh	Hiếu	'27/03/2001	Nam	21	3.86	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
47	1	K29KT2	20A41010001	Phạm Thị Diệu	Hoa	'03/05/2002	Nữ	18	3.67	83	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
48	2	K29KT2	20A41010264	Quách Minh	Vũ	'21/04/2002	Nam	23	3.54	80	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
49	3	K29KT2	20A41010004	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	'12/05/2002	Nữ	16	3.53	80	**6,048,000**	***Giỏi***	**6,652,800**
50	4	K29KT2	20A41010032	Đỗ Thị Thùy	Linh	'13/01/2002	Nữ	24	3.44	86	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
51	5	K29KT2	20A41010147	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	'25/09/2002	Nữ	24	3.44	82	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
52	1	K29KT3	20A41010045	Nguyễn Thanh	Thùy	'24/12/2002	Nữ	27	3.83	83	**10,206,000**	***Giỏi***	**11,226,600**
53	2	K29KT3	20A41010225	Đỗ Thị Bích	Thủy	'27/10/2002	Nữ	18	3.83	83	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
54	3	K29KT3	20A41010131	Nguyễn Thị	Lê	'15/12/2002	Nữ	23	3.80	83	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
55	4	K29KT3	20A41010258	Trần Thu	Trang	'09/09/2002	Nữ	21	3.79	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
56	5	K29KT3	20A41010167	Đàm Lê Ánh	Tuyết	'27/03/2002	Nữ	24	3.69	83	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
57	6	K29KT3	20A41010077	Hoàng Lê Xuân	Hiểu	'24/11/2002	Nữ	21	3.64	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
58	7	K29KT3	20A41010035	Phạm Thị Thanh	Hương	'14/02/2002	Nữ	21	3.64	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
59	8	K29KT3	20A41010231	Vũ Thị Quỳnh	Giang	'23/09/2002	Nữ	18	3.50	82	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
60	9	K29KT3	20A41010219	Nguyễn Thị	Huệ	'08/11/2002	Nữ	18	3.50	82	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
61	10	K29KT3	20A41010081	Bùi Thị	Yến	'04/08/2002	Nữ	26	3.48	76	**9,828,000**	***Khá***	**9,828,000**
62	11	K29KT3	20A41010180	Võ Hoàng	Hà	'04/06/2002	Nữ	27	3.44	82	**10,206,000**	***Giỏi***	**11,226,600**
63	1	K29KT4	20A41010002	Nguyễn Thị	Hạnh	'08/11/2002	Nữ	24	3.81	83	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
64	2	K29KT4	20A41010042	Nguyễn Trà	Mi	'21/06/2002	Nữ	27	3.56	82	**10,206,000**	***Giỏi***	**11,226,600**
65	3	K29KT4	20A41010194	Nguyễn Thuỳ	Dương	'21/03/2002	Nữ	29	3.52	82	**10,962,000**	***Giỏi***	**12,058,200**
66	4	K29KT4	20A41010284	Nguyễn Thị	Hiền	'27/04/2002	Nữ	21	3.50	82	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
67	5	K29KT4	20A41010127	Thịnh Thị	Chinh	'09/12/2002	Nữ	24	3.44	82	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
68	6	K29KT4	20A41010013	Đỗ Thị	Tâm	'05/03/2002	Nữ	24	3.44	82	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
69	1	K29QT1	20A42010130	Nguyễn Thị Thu	Hằng	'23/06/2002	Nữ	23	3.93	89	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
70	2	K29QT1	20A42010125	Đặng Thị	Luyến	'20/05/2002	Nữ	22	3.93	85	**8,316,000**	***Giỏi***	**9,147,600**
71	3	K29QT1	20A42010066	Hoàng Thị Thanh	Mai	'04/08/2001	Nữ	23	3.93	91	**8,694,000**	***Xuất sắc***	**11,302,200**
72	4	K29QT1	20A42010149	Nguyễn Thu	Huyền	'23/12/2002	Nữ	20	3.85	85	**7,560,000**	***Giỏi***	**8,316,000**
73	5	K29QT1	20A42010116	Kiều Thị Trà	Mi	'19/09/2002	Nữ	26	3.83	81	**9,828,000**	***Giỏi***	**10,810,800**
74	6	K29QT1	20A42010260	Hà Thị Diệu	Linh	'20/11/2002	Nữ	21	3.79	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
75	7	K29QT1	20A42010042	Lã Thị Minh	Ánh	'29/09/2002	Nữ	20	3.70	85	**7,560,000**	***Giỏi***	**8,316,000**
76	8	K29QT1	20A42010084	Lưu Thị Linh	Chi	'16/06/2002	Nữ	23	3.70	81	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
77	9	K29QT1	20A42010161	Phạm Thị Mỹ	Duyên	'21/02/2002	Nữ	20	3.70	83	**7,560,000**	***Giỏi***	**8,316,000**
78	10	K29QT1	20A42010206	Phan Thị Huyền	Thương	'27/01/2002	Nữ	29	3.69	81	**10,962,000**	***Giỏi***	**12,058,200**
79	1	K29QT2	20A42010041	Trần Thị	Hiền	'17/11/2002	Nữ	24	3.88	83	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
80	2	K29QT2	20A42010143	Nguyễn Quỳnh	Trang	'04/12/2002	Nữ	29	3.86	80	**10,962,000**	***Giỏi***	**12,058,200**
81	3	K29QT2	20A42010028	Vũ Hồng	Nhung	'25/05/2002	Nữ	32	3.81	85	**12,096,000**	***Giỏi***	**13,305,600**
82	4	K29QT2	20A42010244	Nguyễn Thị	Hồng	'05/03/2002	Nữ	23	3.78	76	**8,694,000**	***Khá***	**8,694,000**
83	5	K29QT2	20A42010004	Nguyễn Thị Thanh	Lam	'13/12/2002	Nữ	21	3.71	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
84	6	K29QT2	20A42010275	Đỗ Thị	Mai	'18/08/2002	Nữ	26	3.71	85	**9,828,000**	***Giỏi***	**10,810,800**
85	1	K29QT3	20A42010242	Bùi Minh	Anh	'10/03/2002	Nữ	20	3.85	83	**7,560,000**	***Giỏi***	**8,316,000**
86	2	K29QT3	20A42010055	Hà Thị	Ngọc	'03/10/2002	Nữ	20	3.78	83	**7,560,000**	***Giỏi***	**8,316,000**
87	3	K29QT3	20A42010231	Bùi Thị	Linh	'04/09/2002	Nữ	29	3.69	83	**10,962,000**	***Giỏi***	**12,058,200**
88	1	K29QT4	20A42010076	Vũ Thị Thanh	Giang	'14/11/2002	Nữ	23	3.83	85	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
89	2	K29QT4	20A42010155	Đoàn Thị Lan	Ngọc	'30/03/2002	Nữ	26	3.77	83	**9,828,000**	***Giỏi***	**10,810,800**
90	3	K29QT4	20A42010078	Trần Thị Mỹ	Nhật	'16/03/2002	Nữ	26	3.71	91	**9,828,000**	***Xuất sắc***	**12,776,400**
91	4	K29QT4	20A42010027	Nguyễn Như	Mây	'27/10/2002	Nữ	18	3.67	85	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
92	1	K2TMĐT 01	20A47010100	Phạm Thị	Hoa	'03/06/2002	Nữ	21	3.86	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
93	2	K2TMĐT 01	20A47010065	Đinh Thị Phương	Thảo	'12/08/2002	Nữ	21	3.86	89	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
94	3	K2TMĐT 01	20A47010081	Vũ Thị Minh	Hường	'31/03/2002	Nữ	18	3.75	83	**6,804,000**	***Giỏi***	**7,484,400**
95	4	K2TMĐT 01	20A47010013	Trần Thị Hồng	Vân	'17/04/2002	Nữ	21	3.71	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
96	5	K2TMĐT 01	20A47010113	Lưu Hương	Na	'03/10/2002	Nữ	21	3.64	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
97	6	K2TMĐT 01	20A47010021	Phạm Hà	Phương	'16/10/2002	Nữ	21	3.64	91	**7,938,000**	***Xuất sắc***	**10,319,400**
98	1	K2TMĐT 02	20A47010068	Lê Như	Quỳnh	'03/07/2002	Nữ	21	3.64	81	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
99	2	K2TMĐT 02	20A47010052	Phạm Thị	Thảo	'16/02/2002	Nữ	21	3.64	83	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
100	3	K2TMĐT 02	20A47010017	Bùi Thị Phương	Thảo	'02/01/2002	Nữ	15	3.60	81	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
101	4	K2TMĐT 02	20A47010108	Kiều Thị Kim	Oanh	'05/05/2002	Nữ	18	3.58	75	**6,804,000**	***Khá***	**6,804,000**
102	5	K2TMĐT 02	20A47010088	Nguyễn Thị Huyền	Trang	'27/03/2002	Nữ	18	3.58	77	**6,804,000**	***Khá***	**6,804,000**
103	1	K30KT1	21A410100210	Nguyễn Tuyết	Minh	'26/01/2003	Nữ	19	3.63	87	**7,182,000**	***Giỏi***	**7,900,200**
104	2	K30KT1	21A410100046	Nguyễn Mai Thanh	Bình	'13/10/2003	Nữ	15	3.60	79	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
105	3	K30KT1	21A410100077	Trương Thị	Dương	'10/11/2003	Nữ	15	3.60	81	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
106	4	K30KT1	21A410100095	Nguyễn Thu	Hà	'13/08/2003	Nữ	17	3.59	77	**6,426,000**	***Khá***	**6,426,000**
107	5	K30KT1	21A410100302	Hoàng Anh	Thư	'17/11/2003	Nữ	19	3.58	77	**7,182,000**	***Khá***	**7,182,000**
108	6	K30KT1	21A410100203	Trần Thị Thanh	Mai	'10/08/2003	Nữ	19	3.50	80	**7,182,000**	***Giỏi***	**7,900,200**
109	7	K30KT1	21A410100196	Nguyễn Thị Khánh	Loan	'17/06/2003	Nữ	20	3.43	76	**7,560,000**	***Khá***	**7,560,000**
110	8	K30KT1	21A410100087	Dương Thị Thu	Hà	'24/04/2003	Nữ	17	3.41	78	**6,426,000**	***Khá***	**6,426,000**
111	1	K30KT2	21A410100270	Lê Phương	Tâm	'16/03/2003	Nữ	22	3.80	83	**8,316,000**	***Giỏi***	**9,147,600**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
112	2	K30KT2	21A410100341	Đặng Thị	Yến	'15/11/2003	Nữ	25	3.58	86	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
113	3	K30KT2	21A410100108	Đỗ Thị	Hằng	'03/02/2003	Nữ	22	3.48	80	**8,316,000**	***Giỏi***	**9,147,600**
114	4	K30KT2	21A410100028	Nguyễn Tú	Anh	'10/06/2003	Nữ	17	3.44	78	**6,426,000**	***Khá***	**6,426,000**
115	5	K30KT2	21A410100299	Phạm Thu	Thủy	'20/04/2003	Nữ	16	3.38	80	**6,048,000**	***Giỏi***	**6,652,800**
116	1	K30KT3	21A410100309	Hoàng Thị	Trang	'13/01/2003	Nữ	21	3.74	78	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
117	2	K30KT3	21A410100202	Quách Phương	Mai	'30/09/2003	Nữ	22	3.66	83	**8,316,000**	***Giỏi***	**9,147,600**
118	4	K30KT3	21A410100291	Nguyễn Thị	Thu	'30/11/2003	Nữ	15	3.50	81	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
119	5	K30KT3	21A410100137	Trần Thị	Huyền	'05/01/2003	Nữ	22	3.48	78	**8,316,000**	***Khá***	**8,316,000**
120	6	K30KT3	21A410100204	Trương Ngọc	Mai	'11/03/2003	Nữ	22	3.39	74	**8,316,000**	***Khá***	**8,316,000**
121	1	K30KT4	21A410100109	Đỗ Thị Thanh	Hằng	'14/09/2003	Nữ	22	3.80	85	**8,316,000**	***Giỏi***	**9,147,600**
122	2	K30KT4	21A410100122	Lê Thị Thu	Hòa	'21/12/2003	Nữ	24	3.69	76	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
123	4	K30KT4	21A410100134	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	'11/07/2003	Nữ	22	3.59	73	**8,316,000**	***Khá***	**8,316,000**
124	5	K30KT4	21A410100272	Đỗ Mai	Thanh	'13/11/2003	Nữ	24	3.50	82	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
125	1	K30QT1	21A420100306	Lãnh Thị Sông	Thương	'01/05/2002	Nữ	24	3.81	87	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
126	2	K30QT1	21A420100334	Nguyễn Thị Phương	Trinh	'23/09/2003	Nữ	19	3.76	83	**7,182,000**	***Giỏi***	**7,900,200**
127	3	K30QT1	21A420100350	Đào Thế	Việt	'01/12/2003	Nam	23	3.72	83	**8,694,000**	***Giỏi***	**9,563,400**
128	4	K30QT1	21A420100298	Nguyễn Thanh	Thúy	'02/09/2003	Nữ	21	3.69	81	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
129	5	K30QT1	21A420100285	Nguyễn Phương	Thảo	'03/07/2003	Nữ	21	3.60	81	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
130	6	K30QT1	21A420100033	Tô Nguyệt	Ánh	'31/10/2003	Nữ	16	3.56	75	**6,048,000**	***Khá***	**6,048,000**
131	7	K30QT1	21A420100182	Nguyễn Hoài	Linh	'08/09/2003	Nữ	24	3.56	78	**9,072,000**	***Khá***	**9,072,000**
132	8	K30QT1	21A420100088	Nguyễn Thúy	Hà	'25/02/2003	Nữ	21	3.52	78	**7,938,000**	***Khá***	**7,938,000**
133	9	K30QT1	21A420100091	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	'08/07/2003	Nữ	23	3.52	78	**8,694,000**	***Khá***	**8,694,000**
134	10	K30QT1	21A420100249	Hoàng Thanh	Phong	'08/11/2003	Nam	21	3.52	80	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
135	11	K30QT1	21A420100016	Nguyễn Quỳnh	Anh	'14/12/2002	Nữ	21	3.50	84	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
136	1	K30QT2	21A420100250	Nguyễn Bá	Phúc	'06/07/2003	Nam	24	3.52	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
137	2	K30QT2	21A420100111	Trần Công	Hiếu	'11/07/2003	Nam	16	3.50	82	**6,048,000**	***Giỏi***	**6,652,800**
138	3	K30QT2	21A420100177	Lê Thị Thùy	Linh	'27/07/2003	Nữ	21	3.50	85	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
139	1	K30QT4	21A420100295	Triệu Minh	Thuỳ	'09/12/2003	Nữ	21	3.74	82	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
140	2	K30QT4	21A420100087	Nguyễn Thu	Hà	'16/11/2003	Nữ	24	3.60	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
141	3	K30QT4	21A420100200	Phạm Huyền	Ly	'12/07/2003	Nữ	24	3.60	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
142	4	K30QT4	21A420100112	Trần Minh	Hiếu	'14/12/2003	Nam	21	3.52	86	**7,938,000**	***Giỏi***	**8,731,800**
143	5	K30QT4	21A420100220	Phan Kim	Ngân	'02/03/2003	Nữ	27	3.52	80	**10,206,000**	***Giỏi***	**11,226,600**
144	6	K30QT4	21A420100359	Lê Thị Hải	Yến	'28/03/2003	Nữ	23	3.52	77	**8,694,000**	***Khá***	**8,694,000**
145	7	K30QT4	21A420100237	Nguyễn Thị	Nhàn	'28/03/2003	Nữ	27	3.48	82	**10,206,000**	***Giỏi***	**11,226,600**
146	8	K30QT4	21A420100137	Dương Phương	Huyền	'13/11/2003	Nữ	24	3.46	80	**9,072,000**	***Giỏi***	**9,979,200**
147	1	K3TMĐT 01	21A470100087	Trần Thị	Ngát	'24/02/2003	Nữ	25	3.70	89	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
148	2	K3TMĐT 01	21A470100105	Đinh Thị Bích	Phượng	'14/11/2003	Nữ	25	3.64	83	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
149	3	K3TMĐT 01	21A470100049	Trịnh Thị	Hoan	'18/10/2003	Nữ	25	3.60	85	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
150	1	K3TMĐT 02	21A470100030	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	'26/11/2003	Nữ	25	3.74	87	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
151	2	K3TMĐT 02	21A470100050	Nguyễn Ngọc	Hoàn	'26/07/2003	Nam	25	3.72	90	**9,450,000**	***Xuất sắc***	**12,285,000**
152	3	K3TMĐT 02	21A470100032	Nguyễn Thị	Hà	'27/03/2003	Nữ	25	3.70	89	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
153	4	K3TMĐT 02	21A470100082	Phí Ngọc	Mai	'07/09/2003	Nữ	25	3.68	85	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
154	5	K3TMĐT 02	21A470100047	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	'27/08/2003	Nữ	25	3.64	85	**9,450,000**	***Giỏi***	**10,395,000**
155	1	K31KT1	22A4101D0004	Đỗ Huyền	Anh	'01/07/2004	Nữ	15	3.67	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
156	2	K31KT1	22A4101D0141	Nguyễn Ngọc	Linh	'01/06/2004	Nữ	15	3.57	75	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
157	3	K31KT1	22A4101D0009	Lê Thị Quỳnh	Anh	'27/06/2004	Nữ	15	3.50	70	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
158	4	K31KT1	22A4101D0029	Đặng Thị Ngọc	Ánh	'20/12/2004	Nữ	15	3.50	73	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
159	5	K31KT1	22A4101D0260	Hoàng Thị	Thường	'10/08/2004	Nữ	15	3.50	78	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
160	1	K31KT2	22A4101D0280	Nguyễn Huyền	Trang	'12/02/2004	Nữ	15	3.53	70	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
161	1	K31KT3	22A4101D0016	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	'25/11/2004	Nữ	15	3.77	77	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
162	2	K31KT3	22A4101D0033	Phạm Thị	Ánh	'29/02/2004	Nữ	15	3.77	75	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
163	3	K31KT3	22A4101D0121	Trịnh Thu	Huyền	'16/01/2004	Nữ	15	3.50	72	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
164	4	K31KT3	22A4101D0131	Phan Thị	Liễu	'12/10/2004	Nữ	15	3.50	70	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
165	5	K31KT3	22A4101D0242	Nguyễn Thị	Thảo	'20/11/2004	Nữ	15	3.47	79	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
166	1	K31KT4	22A4101D0024	Trần Phương	Anh	'29/01/2004	Nữ	15	3.93	90	**5,670,000**	***Xuất sắc***	**7,371,000**
167	2	K31KT4	22A4101D0262	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	'26/08/2004	Nữ	15	3.73	78	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
168	3	K31KT4	22A4101D0013	Nguyễn Ngô Thủy	Anh	'21/08/2004	Nữ	15	3.67	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
169	4	K31KT4	22A4101D0095	Đào Thị	Hoa	'12/04/2003	Nữ	15	3.63	84	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
170	5	K31KT4	22A4101D0137	Hoàng Thùy	Linh	'26/02/2004	Nữ	15	3.60	74	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
171	6	K31KT4	22A4101D0114	Tạ Thị Mai	Hương	'24/06/2004	Nữ	15	3.57	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
172	7	K31KT4	22A4101D0172	Trương Thị Phương	Nga	'01/03/2003	Nữ	15	3.57	75	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
173	8	K31KT4	22A4101D0258	Lê Thị	Thương	'23/06/2004	Nữ	15	3.57	75	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
174	9	K31KT4	22A4101D0015	Nguyễn Thị Hải	Anh	'13/08/2004	Nữ	15	3.53	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
175	10	K31KT4	22A4101D0231	Đặng Thị	Thảo	'15/03/2004	Nữ	15	3.53	81	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
176	11	K31KT4	22A4101D0105	Nguyễn Minh	Huệ	'05/01/2004	Nữ	15	3.50	87	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
177	1	K31QT1	22A4201D0274	Nguyễn Như Thiên	Thuận	'16/03/2004	Nam	15	3.57	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
178	2	K31QT1	22A4201D0326	Vương Thị Anh	Vân	'24/01/2004	Nữ	15	3.50	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
179	3	K31QT1	22A4201D0001	Đào Quốc	An	'04/10/2004	Nam	15	3.37	73	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
180	4	K31QT1	22A4201D0262	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	'10/03/2004	Nữ	15	3.27	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
181	5	K31QT1	22A4201D0261	Nguyễn Phương	Thảo	'18/03/2004	Nữ	15	3.23	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
182	6	K31QT1	22A4201D0006	Vũ Thị Thu	An	'26/08/2003	Nữ	15	3.20	83	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
183	7	K31QT1	22A4201D0054	Ngô Anh	Đức	'29/05/2004	Nam	15	3.20	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
184	8	K31QT1	22A4201D0299	Nguyễn Huyền	Trang	'06/12/2004	Nữ	15	3.20	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
185	1	K31QT2	22A4201D0333	Nguyễn Thị	Xuân	'05/07/2004	Nữ	15	3.47	84	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
186	2	K31QT2	22A4201D0287	Phạm Hữu	Tiến	'18/07/2004	Nam	15	3.37	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
187	3	K31QT2	22A4201D0079	Hán Đức	Hải	'18/10/2004	Nam	15	3.30	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
188	4	K31QT2	22A4201D0064	Lê Thảo	Dương	'30/04/2004	Nữ	15	3.27	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
189	5	K31QT2	22A4201D0124	Trần Thị Mai	Hương	'04/08/2004	Nữ	15	3.27	75	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
190	6	K31QT2	22A4201D0275	Nguyễn Thị	Thuỳ	'17/04/2004	Nữ	15	3.27	82	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
191	7	K31QT2	22A4201D0317	Trần Thị	Tuyết	'21/05/2004	Nữ	15	3.23	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
192	1	K31QT3	22A4201D0310	Nguyễn Văn	Trường	'10/06/2004	Nam	15	3.57	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
193	2	K31QT3	22A4201D0217	Ngụy Thị	Nhung	'12/07/2004	Nữ	15	3.53	74	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
194	3	K31QT3	22A4201D0198	Võ Thị Thúy	Nghĩa	'09/10/2004	Nữ	15	3.47	74	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
195	4	K31QT3	22A4201D0085	Lăng Thị	Hảo	'21/01/2004	Nữ	15	3.40	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**

STT	Stt lớp	Lớp	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới	Số tín chỉ	ĐTB	ĐRL	Số tiền/tổng tín chỉ	Học bổng loại	Số tiền (Loại Xs: 1.3, G:1.1)
196	5	K31QT3	22A4201D0032	Lê Thị Phương	Châm	'12/01/2004	Nữ	15	3.33	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
197	6	K31QT3	22A4201D0153	Phạm Thị Hương	Lan	'08/10/2004	Nữ	15	3.30	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
198	7	K31QT3	22A4201D0168	Nguyễn Thị	Linh	'01/01/2004	Nữ	15	3.23	76	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
199	8	K31QT3	22A4201D0193	Nguyễn Thúy	My	'30/10/2004	Nữ	15	3.23	86	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
200	9	K31QT3	22A4201D0221	Phùng Thị	Oanh	'24/05/2004	Nữ	15	3.23	74	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
201	1	K4TMĐT 01	22A4701D0041	Phạm Thị Thanh	Hằng	'09/11/2003	Nữ	15	3.93	78	**5,670,000**	***Khá***	**5,670,000**
202	2	K4TMĐT 01	22A4701D0067	Nguyễn Thùy	Linh	'19/03/2004	Nữ	15	3.93	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
203	3	K4TMĐT 01	22A4701D0071	Phạm Thị	Mai	'05/11/2004	Nữ	15	3.93	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
204	4	K4TMĐT 01	22A4701D0091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	'27/11/2004	Nữ	15	3.93	80	**5,670,000**	***Giỏi***	**6,237,000**
205	1	K4TMĐT 02	22A4701D0043	Lê Mỹ	Hạnh	'16/11/2003	Nữ	15	3.93	90	**5,670,000**	***Xuất sắc***	**7,371,000**
206	2	K4TMĐT 02	22A4701D0033	Nguyễn Hương	Giang	'17/10/2004	Nữ	15	3.87	90	**5,670,000**	***Xuất sắc***	**7,371,000**
											TỔNG		**1,706,745,600**

Bằng chữ: *(Một tỷ bảy trăm linh sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng)*

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

KHOA KINH TẾ

TRƯỞNG KHOA

Người lập biểu

Ths. Phạm Văn Tuấn

TS. Nguyễn Thị Thu Hương